

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

---

*Báo cáo của Ban Giám đốc và  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH 3**

**Năm 2010**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2010	11 – 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 : số 0300421520 ngày 1 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Xây dựng, lắp đặt.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

**Trụ sở của Công ty tại:** 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhưong	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

---

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Soát	Phó Giám đốc
Ông Vũ Công Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Long	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Đặng Xuân Trường	Thành viên

## **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*TP.HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2011*

**TM. Ban Giám Đốc**  
**Giám đốc**

**Phạm Văn Thúy**

Số: ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3*

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3  
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3

Chúng tôi đã kiểm toán **báo cáo tài chính hợp nhất** gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 06 tháng 4 năm 2011 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3** từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Không phủ nhận ý kiến của chúng tôi dưới đây, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý tới người sử dụng là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của đơn vị được lập trên cơ sở số liệu của công ty mẹ và các công ty con, trong đó 2 công ty con là Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc và Công Ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt và báo cáo kiểm toán của 2 công ty con này được phát hành dưới dạng ý kiến chấp nhận toàn phần; Do đó, số liệu hợp nhất có liên quan đến 2 công ty con đã nêu trên chúng tôi lấy theo số liệu của báo cáo kiểm toán đã phát hành bởi công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Đất Việt.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2011*

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tuấn**  
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

**Đinh Thế Đường**  
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>268.664.672.615</b>	<b>212.033.536.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>30.172.123.684</b>	<b>69.949.267.493</b>
1. Tiền	111		30.172.123.684	69.949.267.493
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>124.294.605.071</b>	<b>72.819.020.121</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	115.622.777.195	57.699.995.638
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	4.710.501.606	10.919.147.915
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	4.172.397.073	4.410.947.371
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(211.070.803)	(211.070.803)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>90.627.753.144</b>	<b>50.458.164.670</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.627.753.144	50.458.164.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>22.270.190.716</b>	<b>17.507.084.113</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	125.330.372	24.537.620
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	1.203.200.326	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	87.504.107	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	20.854.155.911	17.482.546.493
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)</b>	<b>200</b>		<b>65.909.401.564</b>	<b>30.022.070.056</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.208.678.661</b>	<b>23.936.885.323</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	43.119.803.476	23.065.851.701
- Nguyên giá	222		69.807.083.991	42.469.684.958
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.687.280.515)	(19.403.833.257)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	88.875.185	871.033.622
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8	30.000.000	30.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>22.670.722.903</b>	<b>6.055.184.733</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	22.004.498.782	5.405.212.796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.2	660.024.122	643.771.937
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.3	6.200.000	6.200.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>334.574.074.179</b>	<b>242.055.606.453</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>241.490.853.094</b>	<b>182.190.191.423</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>231.504.424.228</b>	<b>178.865.775.036</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	60.731.798.888	37.608.176.328
2. Phải trả người bán	312	10.2	37.583.160.184	29.486.228.415
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	73.358.103.043	57.291.705.639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	4.489.290.658	11.168.303.384
5. Phải trả người lao động	315	10.5	9.147.967.665	11.889.662.364
6. Chi phí phải trả	316	10.6	5.087.718.241	5.851.058.713
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	3.770.025.575	5.271.525.575
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	35.079.734.097	19.797.757.136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	10.9	2.256.625.877	501.357.482
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>9.986.428.866</b>	<b>3.324.416.387</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	81.603.898	131.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	9.701.091.000	3.062.891.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.3	203.733.968	129.921.489
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>81.010.765.758</b>	<b>52.126.816.721</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>81.010.765.758</b>	<b>52.126.816.721</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.005.560.000	21.812.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.692.200.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(60.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.058.590.718	1.848.987.914
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.359.977.607	961.575.738
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.271.589.973	25.881.255.610
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>12.072.455.327</b>	<b>7.738.598.309</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+439)</b>	<b>440</b>		<b>334.574.074.179</b>	<b>242.055.606.453</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		408.987.523	408.987.523

*Lập, ngày 06 tháng 04 năm 2011***Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Nguyễn Kim Chinh****Phạm Văn Thúy**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T.Min h	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	254.956.543.137	249.060.108.906
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	254.956.543.137	249.060.108.906
4. Giá vốn hàng bán	11	16	219.483.876.940	209.066.148.112
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.472.666.197	39.993.960.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.518.234.472	462.004.722
7. Chi phí tài chính	22	18	6.256.192.722	1.969.602.092
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.256.192.722	1.969.602.092
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.198.866.275	9.022.385.737
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		19.535.841.672	29.463.977.687
11. Thu nhập khác	31	19	1.680.515.290	3.554.648.092
12. Chi phí khác	32	20	793.114.512	1.320.990.868
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		887.400.778	2.233.657.224
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.423.242.450	31.697.634.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	3.037.217.985	5.116.761.765
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(16.252.185)	(643.771.937)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.402.276.650	27.224.645.083
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.117.067.093	1.372.898.309
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		16.285.209.558	25.851.746.774
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		5.752	12.231

Lập, ngày 06 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.423.242.450</b>	<b>31.697.634.911</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	7.375.212.008	2.588.923.083
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.188.202.350)	(334.226.582)
- Chi phí lãi vay	06	6.256.192.722	1.969.602.092
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>30.866.444.830</b>	<b>35.921.933.504</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.172.698.801)	(2.844.298.394)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(40.169.588.474)	(29.871.869.030)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)	11	31.623.912.222	22.533.752.786
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.700.078.738)	(1.112.550.715)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.972.959.697)	(1.969.602.092)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.429.205.870)	(885.890.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	671.563.000	100.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.407.874.431)	(3.548.008.321)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(69.690.485.958)</b>	<b>18.323.467.357</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.427.913.274)	(14.869.762.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	644.641.332	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.969.129.750)	(793.084.647)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		462.004.722
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.057.651.281	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(30.694.750.411)</b>	<b>(15.230.842.611)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.846.270.000	10.352.534.647
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.259.851.718	87.518.634.232
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.498.029.158)	(60.633.829.806)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.524.131.466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>60.608.092.560</b>	<b>35.713.207.607</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(39.777.143.809)</b>	<b>38.805.832.353</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>69.949.267.493</b>	<b>31.143.435.140</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>30.172.123.684</b>	<b>69.949.267.493</b>

Lập, ngày 06 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2010*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ đăng ký thay đổi lần thứ 5 : số 0300421520 ngày 1 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty** là 44.580.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng, lắp đặt.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

#### **4. Tổng số các công ty con: 03 (ba) Công ty con.**

#### **5. Thông tin về các Công ty con được hợp nhất:**

##### **a. Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Trường Lộc**

- Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103012165 ngày 02/01/2009, thay đổi lần thứ 2 số 0306560048 ngày 02/01/2010.
- Địa chỉ trụ sở chính: 143 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM.
- Vốn điều lệ: 9.999.900.000 đồng (Chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53.10 %.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,1 %.

##### **b. Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát**

- Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0309477944 ngày 01/10/2009.
- Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh .

---

- Vốn điều lệ: 10.600.000.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm triệu đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%.

### **c. Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng**

- Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 3400858341 ngày 02/4/2010
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C7-I Đường D1 – Khu Công nghiệp Hàm Kiệm I, Xã Hàm Kiệm – Huyện Hàm Thuận Nam - Tỉnh Bình Thuận.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.0000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

## **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- 1. Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III Chế độ kế toán áp dụng:**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.
- 3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất :**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (VND) phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam. Số liệu để lập báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con .
- 4. Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất :**
  - Các số dư giữa các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ ;
  - Doanh thu bán hàng, giá vốn cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty ;
  - Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

## **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh .

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

#### **2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### **4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**5. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh

### **7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh .

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh .

---

### **12. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

#### **13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh .

---

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2010*

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

*Đơn vị tính: VND*

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

1.1-Tiền mặt (VND)

1.2-Tiền gửi ngân hàng

**Cộng tiền và các khoản tương đương tiền**

Số cuối năm	Số đầu năm
8.265.985.392	4.017.794.323
21.906.138.292	65.931.473.170
<b>30.172.123.684</b>	<b>69.949.267.493</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**2.1-Đầu tư ngắn hạn**

Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN-CN.TPHCM

**Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.300.000.000	1.300.000.000
<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

3.1-Phải thu khách hàng

3.2-Trả trước cho người bán

3.3-Các khoản phải thu khác

3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

**Cộng các khoản phải thu ngắn hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
115.622.777.195	57.699.995.638
4.710.501.606	10.919.147.915
4.172.397.073	4.410.947.371
(211.070.803)	(211.070.803)
<b>124.294.605.071</b>	<b>72.819.020.121</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

**- Giá gốc hàng tồn kho**

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Hàng hóa

**-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

**Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho**

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>90.627.753.144</b>	<b>50.458.164.670</b>
17.896.348.160	12.432.488.065
58.735.280	989.624
72.672.669.704	37.488.826.981
	535.860.000
<b>90.627.753.144</b>	<b>50.458.164.670</b>

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

5.1-Chi phí trả trước ngắn hạn

5.2-Thuế GTGT được khấu trừ

5.3-Thuế và các khoản phải thu nhà nước ( thuế TNCN)

5.4-Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng

Ký quỹ

**Cộng tài sản ngắn hạn khác**

Số cuối năm	Số đầu năm
125.330.372	24.537.620
1.203.200.326	
87.504.107	
20.854.155.911	17.482.546.493
20.216.697.841	16.810.288.423
637.458.070	672.258.070
<b>22.270.190.716</b>	<b>17.507.084.113</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, TD</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>6.121.786.762</b>	<b>31.224.112.836</b>	<b>4.623.519.303</b>	<b>500.266.057</b>	<b>42.469.684.958</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	<b>240.908.727</b>	<b>20.367.284.023</b>	<b>6.722.425.233</b>	<b>190.310.550</b>	<b>27.520.928.533</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	13.636.000	20.367.284.023	6.722.425.233	190.310.550	27.293.655.806
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác	227.272.727				227.272.727
<b>3 Giảm trong năm</b>			<b>183.529.500</b>		<b>183.529.500</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			183.529.500		183.529.500
- Giảm khác					
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>6.362.695.489</b>	<b>51.591.396.859</b>	<b>11.162.415.036</b>	<b>690.576.607</b>	<b>69.807.083.991</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>511.803.118</b>	<b>15.643.635.896</b>	<b>3.008.324.136</b>	<b>240.070.107</b>	<b>19.403.833.257</b>
<b>2 Tăng trong năm</b>	<b>802.344.160</b>	<b>5.182.511.866</b>	<b>1.273.249.174</b>	<b>117.106.808</b>	<b>7.375.212.008</b>
- Khấu hao trong năm	802.344.160	5.182.511.866	1.273.249.174	117.106.808	7.375.212.008
- Tăng khác					
<b>3 Giảm trong năm</b>			<b>91.764.750</b>		<b>91.764.750</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			91.764.750		91.764.750
- Giảm khác					
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>1.314.147.278</b>	<b>20.826.147.762</b>	<b>4.189.808.560</b>	<b>357.176.915</b>	<b>26.687.280.515</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	5.609.983.644	15.580.476.940	1.615.195.167	260.195.950	23.065.851.701
2 Tại ngày cuối năm	5.048.548.211	30.765.249.097	6.972.606.476	333.399.692	43.119.803.476

-Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay : 16.368.338.874

-Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.072.614.300

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Mua sắm tài sản cố định

**Cộng chi phí XD CB dở dang****Số cuối năm****Số đầu năm**

88.875.185 871.033.622

**88.875.185 871.033.622****8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Trái phiếu kho bạc (thời hạn 3 năm)

**Cộng đầu tư dài hạn khác****Số cuối năm****Số đầu năm**

30.000.000 30.000.000

**30.000.000 30.000.000****9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

9.1-Chi phí trả trước dài hạn

9.2-Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

9.3-Tài sản dài hạn khác (ký quỹ, ký cược dài hạn)

**Cộng tài sản dài hạn khác****Số cuối năm****Số đầu năm**

22.004.498.782 5.405.212.796

660.024.122 643.771.937

6.200.000 6.200.000

**22.670.722.903 6.055.184.733**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

<b>10. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>10.1-Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>60.731.798.888</b>	<b>37.608.176.328</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>60.731.798.888</i>	<i>37.494.468.328</i>
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	60.731.798.888	37.494.468.328
<i>Vay cá nhân</i>		<i>113.708.000</i>
<b>10.2-Phải trả người bán</b>	<b>37.583.160.184</b>	<b>29.486.228.415</b>
<b>10.3-Người mua trả tiền trước</b>	<b>73.358.103.043</b>	<b>57.291.705.639</b>
<b>10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.489.290.658</b>	<b>11.168.303.384</b>
- Thuế GTGT đầu ra	1.438.935.908	5.881.105.844
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.031.688.654	5.116.761.765
- Thuế thu nhập cá nhân	18.666.096	170.435.775
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>10.5-Phải trả người lao động</b>	<b>9.147.967.665</b>	<b>11.889.662.364</b>
<b>10.6-Chi phí phải trả</b>	<b>5.087.718.241</b>	<b>5.851.058.713</b>
<b>10.7-Phải trả nội bộ</b>	<b>3.770.025.575</b>	<b>5.271.525.575</b>
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	3.770.025.575	5.271.525.575
<b>10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>35.079.734.097</b>	<b>19.797.757.136</b>
- Kinh phí Công đoàn	293.397.220	157.461.791
- Bảo hiểm xã hội	284.712.330	60.667.303
- Bảo hiểm y tế	27.745.092	
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.239.516	1.688.480
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.449.639.939	19.577.939.562
<b>10.9 Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>2.256.625.877</b>	<b>501.357.482</b>
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>231.504.424.228</b>	<b>178.865.775.036</b>
<b>11. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>11.1-Phải trả dài hạn khác</b>	<b>81.603.898</b>	<b>131.603.898</b>
Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	81.603.898	131.603.898
<b>11.2-Vay và nợ dài hạn</b>	<b>9.701.091.000</b>	<b>3.062.891.000</b>
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	8.695.827.000	3.062.891.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN	516.664.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	488.600.000	
<b>11.3-Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>	<b>203.733.968</b>	<b>129.921.489</b>
<b>Cộng nợ dài hạn</b>	<b>9.986.428.866</b>	<b>3.324.416.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của CSH</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Vốn khác của CSH</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn CSH</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.618.340.000</b>			<b>1.622.907.459</b>	<b>953.973.652</b>	<b>4.884.347.959</b>	<b>26.079.569.070</b>
Tăng vốn trong năm trước	3.193.750.000						3.193.750.000
Lãi trong năm trước						25.851.746.774	25.851.746.774
Tăng khác					1.856.590.000		1.856.590.000
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác						4.854.839.123	4.854.839.123
<b>Số dư cuối năm trước</b>							
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>21.812.090.000</b>			<b>1.622.907.459</b>	<b>2.810.563.652</b>	<b>25.881.255.610</b>	<b>52.126.816.721</b>
Tăng vốn trong năm nay	21.193.470.000	1.692.200.000					22.885.670.000
Lãi trong năm nay						16.285.209.558	16.285.209.558
Tăng khác			(60.000)		12.608.004.674	957.685.388	13.565.630.062
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác (*)						23.852.560.583	23.852.560.583
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>43.005.560.000</b>	<b>1.692.200.000</b>	<b>(60.000)</b>	<b>1.622.907.459</b>	<b>15.418.568.326</b>	<b>19.271.589.973</b>	<b>81.010.765.758</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**Ghi chú (\*): Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:**

- Trích cổ tức phải trả năm 2009	6.543.635.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2009	10.026.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2009	2.276.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009	2.731.000.000
- Trích cổ tức phải trả năm 2009	1.399.980.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2009	345.767.993
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2009	230.511.995
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009	230.511.996
- Trích quỹ khác	69.153.599
<b>Cộng</b>	<b>23.852.560.583</b>

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của nhà nước	44,85%	19.286.680.000	10.313.740.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	55,15%	23.718.880.000	11.498.350.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>43.005.560.000</b>	<b>21.812.090.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>+ Vốn đầu tư của chủ SH</b>		
- Vốn góp đầu năm	21.812.090.000	18.618.340.000
- Vốn góp tăng trong năm	21.193.470.000	3.193.750.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	43.005.560.000	21.812.090.000
<b>+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>6.543.635.000</b>	<b>1.524.131.466</b>

**d) Cổ tức**

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>e) Cổ phiếu</b>		
<b>+ Số lượng cp đăng ký phát hành</b>	<b>4.300.556</b>	<b>2.181.209</b>
<b>+ Số lượng cp đã bán ra công chúng</b>	<b>4.300.556</b>	<b>2.181.209</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.300.556	2.181.209
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp được mua lại</b>	<b>6</b>	
- Cổ phiếu phổ thông	6	
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp đang lưu hành</b>	<b>4.300.550</b>	<b>2.181.209</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.300.550	2.181.209
- Cổ phiếu ưu đãi		

**\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000d/CP**

<b>f) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	12.058.590.718	1.848.987.914
- Quỹ dự phòng tài chính	3.359.977.607	961.575.738
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.256.625.877	501.357.482
<b>Cộng</b>	<b>17.675.194.203</b>	<b>3.311.921.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

+ Doanh thu bán hàng

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng

**Năm nay****Năm trước**

8.272.310.247

11.799.143.320

246.684.232.890

237.260.965.586

**254.956.543.137****249.060.108.906****Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

+ Chiết khấu thương mại

+ Giảm giá hàng bán

+ Hàng bán bị trả lại

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Thuế xuất khẩu

**Năm nay****Năm trước****Cộng các khoản giảm trừ doanh thu****15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

+ Doanh thu thuần về bán hàng

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng

**Năm nay****Năm trước**

8.272.310.247

11.799.143.320

246.684.232.890

237.260.965.586

**254.956.543.137****249.060.108.906****Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn của hàng hóa đã bán

Giá vốn hợp đồng xây dựng

**Năm nay****Năm trước**

2.105.460.158

10.588.956.122

217.378.416.782

198.477.191.990

**219.483.876.940****209.066.148.112****Cộng giá vốn hàng bán****17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

**Năm nay****Năm trước**

1.518.234.472

462.004.722

**Cộng doanh thu hoạt động tài chính****1.518.234.472****462.004.722****18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay

**Năm nay****Năm trước**

6.256.192.722

1.969.602.092

**Cộng chi phí tài chính****6.256.192.722****1.969.602.092****19. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Thu nhập khác

**Năm nay****Năm trước**

700.361.734

786.881.143

136.363.636

390.244.460

843.789.920

2.377.522.489

**1.680.515.290****3.554.648.092****Cộng thu nhập khác****20. CHI PHÍ KHÁC**

Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng

Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý

**Năm nay****Năm trước**

103.920.909

470.648.769

580.258.612

332.319.499

108.934.991

518.022.600

**793.114.512****1.320.990.868****Cộng chi phí khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh.

**21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành**Cộng chi phí thuế TNDN hiện hành**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
3.037.217.985	5.116.761.765
<b>3.037.217.985</b>	<b>5.116.761.765</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ**Cộng chi phí thuế TNDN hoãn lại**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
(16.252.185)	(643.771.937)
<b>(16.252.185)</b>	<b>(643.771.937)</b>

**23. THÔNG TIN BỔ SUNG**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Ngày 06 tháng 04 năm 2011

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Nguyễn Kim Chinh****Phạm Văn Thúy**